



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ**  
**PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO**

# **BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ**

---

**số tháng 12/2022**



## MỤC LỤC

<b>PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI</b>	<b>1</b>
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 11/2022	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	2
2. Dự báo tăng trưởng	5
<b>PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM</b>	<b>7</b>
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 11/2022	7
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	7
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	7
1.1.2. Xuất nhập khẩu	7
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	8
1.1.4. Hoạt động đầu tư	8
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	9
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	10
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	10
1.2.2. Tỷ giá	11
1.2.3. Chứng Khoán	11
1.2.4. Lạm phát	12
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	13
2.1. Về chủ trương, chính sách	13
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	13
<b>PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO</b>	<b>16</b>
1. Thị trường dầu thô	16
2. Thị trường khí	19
3. Thị trường phân bón	21
4. Thị trường điện	23
<i>Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 11 năm 2022</i>	<b>25</b>



PHẦN I

## KINH TẾ THẾ GIỚI

### 1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 11/2022

#### 1.1. Tổng quan chung

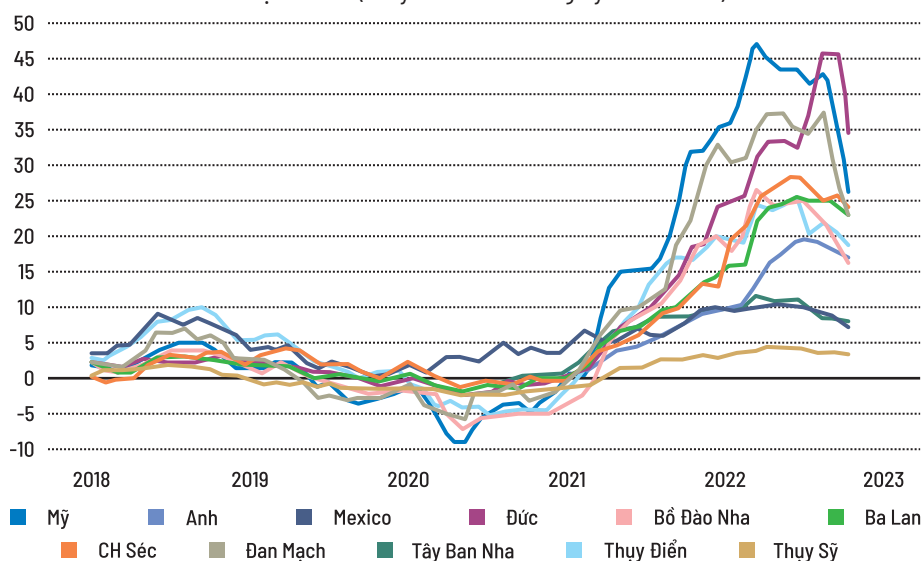
Nền kinh tế thế giới đã liên tiếp gánh chịu hàng loạt cú sốc như lạm phát, khủng hoảng năng lượng, tình trạng gián đoạn nguồn cung, rủi ro về nợ công. Những đám mây đen này đang phủ bóng lên triển vọng phục hồi và tăng trưởng của nền kinh tế thế giới trong thời gian tới.

Chỉ số PMI sản xuất toàn cầu của JP Morgan tiếp tục giảm tháng thứ 3 liên tiếp từ 49,4 vào tháng 10/2022 xuống mức 48,8 tháng 11/2022 (giảm 0,6 điểm phần trăm) và duy trì dưới mốc 50,0 tháng thứ ba liên tiếp. Chỉ số này cho thấy các đơn đặt hàng mới vẫn đang giảm, dòng chảy thương mại quốc tế chậm lại, là một trong những chỉ báo quan trọng về suy thoái kinh tế.

Một trong những thách thức lớn nhất đối với nền kinh tế thế giới hiện nay là tình trạng lạm phát tăng cao. Tuy nhiên, những chỉ báo quan trọng gợi ý rằng lạm phát toàn cầu đã đạt đỉnh, và tốc độ tăng giá chung sẽ chậm lại trong những tháng tới.

#### LẠM PHÁT CHỈ SỐ GIÁ SẢN XUẤT TẠI MỘT SỐ NỀN KINH TẾ

Đơn vị tính: % (thay đổi so với cùng kỳ năm trước)

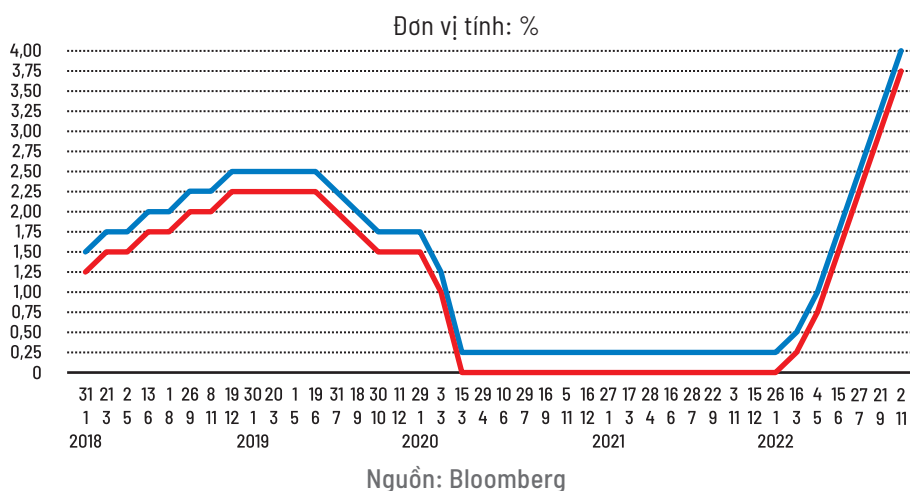


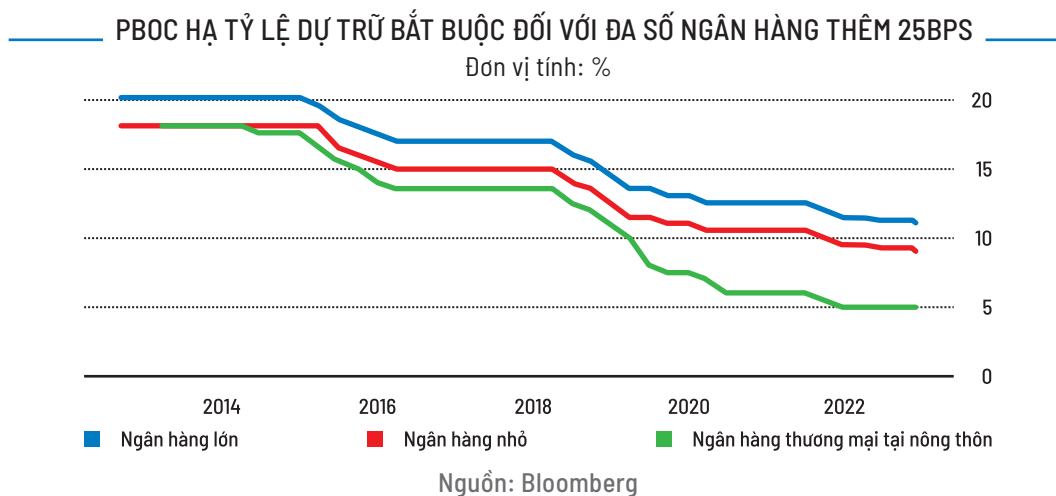
Nguồn: Refinitiv, Financial Times

Do lạm phát toàn cầu nghiêm trọng và kéo dài hơn so dự báo ban đầu, nhiều ngân hàng trung ương đã mạnh tay tăng lãi suất. FED là ngân hàng trung ương đi đầu trong cuộc chiến chống lạm phát, với việc nâng lãi suất tiêu chuẩn tới sáu lần trong năm 2022, trong đó có bốn lần liên tiếp tăng 0,75 điểm phần trăm.

Ngày 3/11, Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC)- hội đồng gồm các quan chức FED đã quyết định nâng biên độ lãi suất cho vay cơ bản của FED lên khoảng 3,75%-4%.

### NHỮNG LẦN ĐIỀU CHỈNH LÃI SUẤT GẦN ĐÂY CỦA FED





Các ngành chức năng, ngân hàng ở Trung Quốc gần đây dồn dập đưa ra những giải pháp giải cứu, trong bối cảnh lĩnh vực bất động sản tại đây đang thiếu vốn, khủng hoảng trái phiếu bất động sản và thanh khoản thấp. 6 ngân hàng đã công bố khoản hỗ trợ tài chính, trước mắt là hơn 1.000 tỷ Nhân dân tệ, tương đương 140 tỷ USD, chủ yếu để phát triển bất động sản, thế chấp, mua bán - sáp nhập cung cấp tài chính cho đầu tư trái phiếu.

Mặc dù một số thành phố lớn đã có những động thái nới lỏng chính sách phòng dịch nhưng cho tới thời điểm hiện tại, Chính phủ Trung Quốc chưa đưa ra bất kỳ dấu hiệu chính thức nào về thời điểm chấm dứt Zero-Covid hay liệu có chấm dứt chiến lược chống dịch này hay không. Các chuyên gia của ngân hàng Goldman Sachs đưa ra khả năng 60% Trung Quốc sẽ mở cửa trở lại vào quý 2/2023 và khả năng 30% cho một cuộc mở cửa trở lại sớm hơn.

▪ **Mỹ**

Chỉ số PMI sản xuất tháng 10/2022 của Mỹ rơi xuống dưới ngưỡng 50,0, đạt 47,7 điểm, giảm 2,7 điểm so với chỉ số của tháng 10/2022, cho thấy sự giảm sút mạnh nhất trong sản xuất kể từ tháng 6/2020.

Năm nay, Fed đã có 6 lần nâng lãi suất để chống lại tình trạng lạm phát cao nhất 4 thập kỷ ở Mỹ. Do lãi suất ở Mỹ tăng nhanh, giới đầu tư trên toàn cầu đổ tiền mạnh vào tài sản Mỹ, khiến các dòng tiền chảy ồ ạt về phía Mỹ và đẩy đồng USD tăng giá.

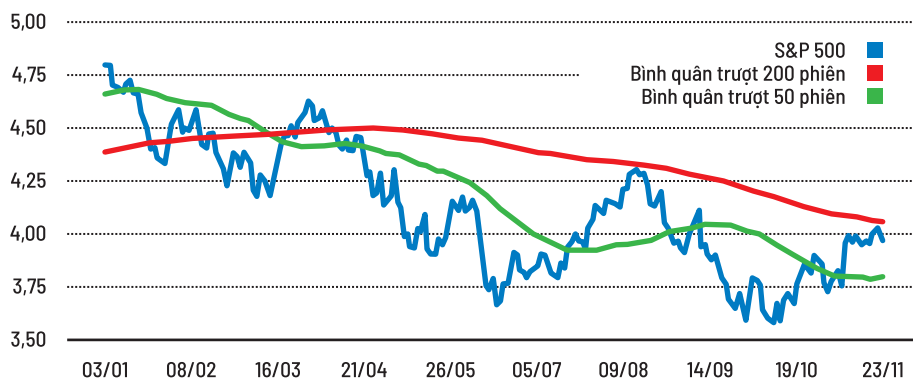
Ngoài ra, nền kinh tế Mỹ tương đối vững vàng hơn so với phần còn lại của thế giới, nên các nhà đầu tư lo ngại về nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu càng có lý do để chuyển tiền vào các tài sản Mỹ, khiến đà tăng giá của đồng USD đã mạnh lại càng mạnh hơn.

Theo Bloomberg, dự kiến Fed sẽ nâng lãi suất cơ bản lên 5% vào đầu năm 2023, tăng từ mức gần 0 vào đầu năm nay. Việc Fed thắt chặt tiền tệ mạnh mẽ nhất trong nhiều thập kỷ đã và đang làm tổn hại đến kinh tế Mỹ và thế giới. Từ đó, chi phí đi vay leo thang, nhiều ngành nhạy cảm với lãi suất từ bất động sản đến ô tô chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng. Bloomberg Economics dự báo Mỹ suy thoái vào nửa cuối năm 2023. Hơn 2 triệu người Mỹ có thể sẽ mất việc.

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 12/2022

Về thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán Mỹ giảm mạnh khi nhà đầu tư lo lắng việc Trung Quốc kéo dài chính sách phong tỏa chống Covid-19 sẽ gây ra bất ổn xã hội cũng như ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng.

### DIỄN BIẾN CHỈ SỐ S&P 500 TỪ ĐẦU 2022 ĐẾN HẾT PHIÊN NGÀY 28/11



Nguồn: S&P Dow Jones Indices, Fed St. Louis

### ■ EU

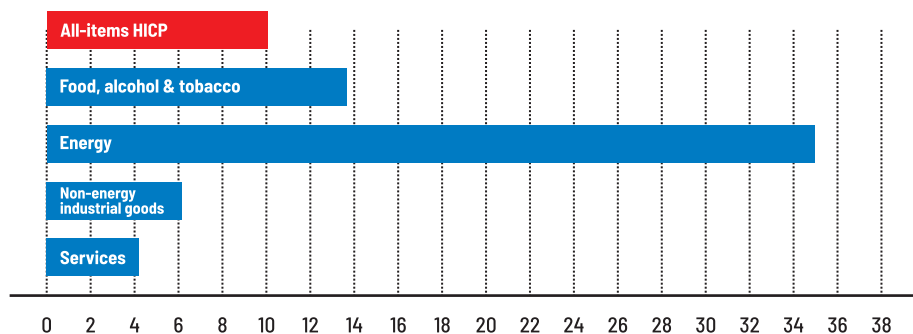
Các nước thành viên của khu vực đồng euro hiện đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng năng lượng, một phần là do cuộc chiến ở Ukraine. Giá năng lượng cao đẩy lạm phát lên cao, buộc Ngân hàng Trung ương châu Âu phải tăng lãi suất.

Chỉ số PMI sản xuất khu vực đồng tiền chung châu Âu tăng nhẹ 0,7 điểm, từ mức 46,4 trong tháng 10/2022 lên mức 47,1 trong tháng 11/2022. Suy giảm sản xuất của Eurozone vẫn tiếp diễn trong tháng 11 nhưng với tốc độ chậm lại.

Ngân hàng đầu tư hàng đầu của Mỹ *Morgan Stanley* dự báo kinh tế khu vực đồng euro sẽ giảm 0,2% trong năm tới. Theo các nhà phân tích của Morgan tình hình trên thị trường khí đốt tự nhiên vẫn căng thẳng và giá có thể sẽ tiếp tục tăng. Hỗ trợ ngân sách là đáng kể, nhưng lạm phát có tác động tiêu cực đến lợi nhuận doanh nghiệp và thu nhập thực tế của hộ gia đình, làm giảm đầu tư và tiêu dùng. Mặc dù các nước châu Âu đã tìm cách lấp đầy các hồ chứa khí đốt của họ trước mùa đông năm nay, nhưng họ sẽ phải đảm bảo các nguồn mới vào năm tới để thay thế nguồn cung cấp bị mất từ Nga.

### LẠM PHÁT EUROZONE THÁNG 11/2022

Đơn vị tính: %



Nguồn: Eurostat

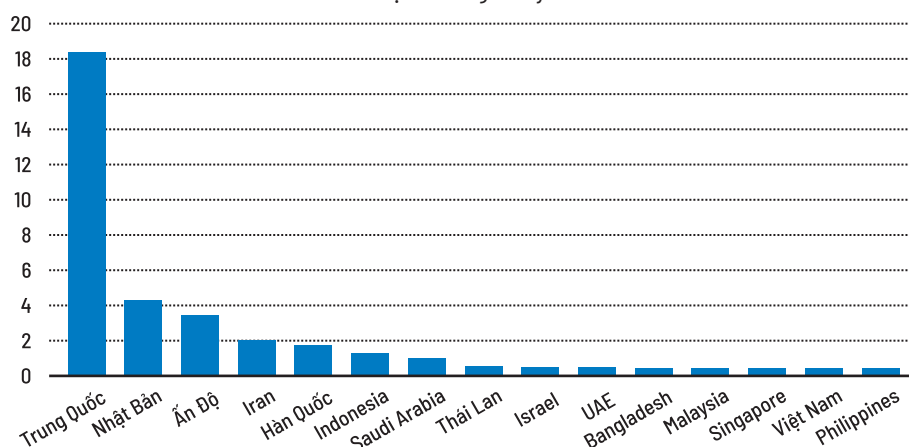
## 2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Hãng S&P Global Market Intelligence mới đây hạ dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2023 từ mức 2% xuống 1,4%, thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng 5,9% trong năm 2021 và 2,8% trong dự báo của S&P về năm 2022.

Theo dự báo mới nhất của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), năm 2022, 5 quốc gia có quy mô GDP nhất gồm có Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Iran và Hàn Quốc, chiếm hơn 94% GDP của châu Á. Trong khi đó, Đông Timor là quốc gia được dự báo có quy mô GDP nhỏ nhất châu Á, đạt 2,46 tỷ USD. Bên cạnh đó, châu Á có 7 quốc gia được dự báo có quy mô GDP trên 1.000 tỷ USD và 14 quốc gia được dự báo có quy mô GDP trên 100 tỷ USD.

TOP 15 QUỐC GIA CÓ QUY MÔ GDP  
NĂM 2022 LỚN NHẤT CHÂU Á THEO DỰ BÁO CỦA IMF

Đơn vị tính: Nghìn tỷ USD



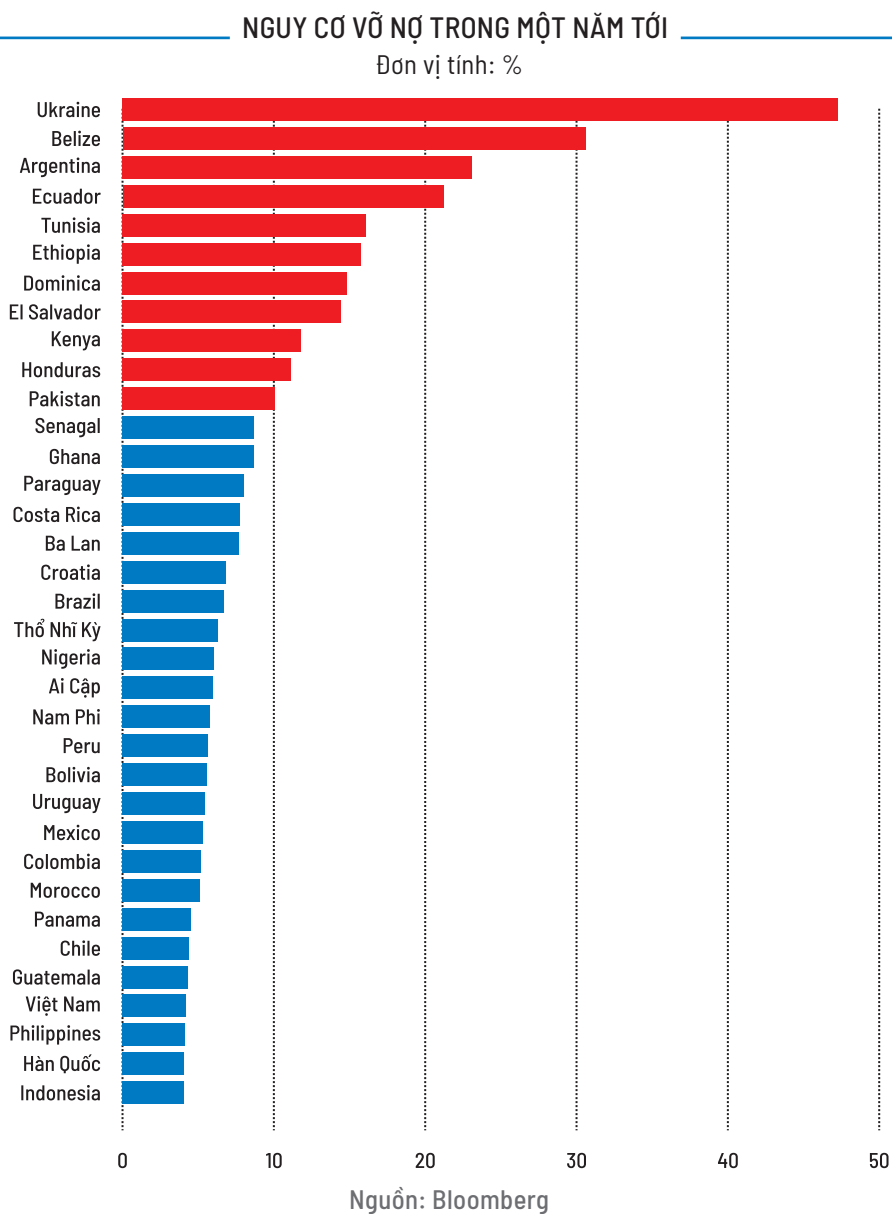
Nguồn: IMF

Trong khuôn khổ hội nghị thượng đỉnh G20, WTO cũng cảnh báo một số nền kinh tế lớn sẽ phải đối mặt với nguy cơ suy thoái kinh tế, gây ra tác động mạnh tới thị trường toàn cầu cũng như nền kinh tế các quốc gia nghèo vốn đang phụ thuộc vào viện trợ quốc tế. Bên cạnh đó WTO đã đưa ra dự đoán tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2023 sẽ chỉ đạt mức 1% thay cho dự đoán trước đó ở mức 3,4%.

Trong dự báo mới nhất, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ ở mức 3,1% trong năm nay - cao hơn một chút so với dự báo đưa ra vào tháng 9, sau đó giảm mạnh xuống 2,2% vào năm 2023, trước khi tăng tốc lên 2,7% vào năm 2024

Các thị trường mới nổi đang chịu áp lực từ nợ lên cao, tăng trưởng chậm và lợi suất tăng. Tuy nhiên, rủi ro về khủng hoảng nợ đang bị nghiêm trọng hóa quá mức. Phân tích của Bloomberg cho thấy rủi ro vỡ nợ chỉ tập trung ở một số nền kinh tế nhỏ. Các quốc gia đang phát triển lớn nhiều khả năng sẽ tránh được vỡ nợ, ngay cả khi áp lực lên thị trường cận biên tăng lên.

Mô hình của *Bloomberg* đánh giá rủi ro vỡ nợ của 41 thị trường mới nổi trong vòng 12 tháng tới. Trong số này, *chỉ có 11 nước có nguy cơ vỡ nợ lớn hơn 10%*, bao gồm Argentina, Ecuador, và Ethiopia.







PHẦN II

## KINH TẾ VIỆT NAM

### 1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 11/2022

Bức tranh kinh tế Việt Nam 11 tháng 2022 ghi nhận nhiều điểm sáng nổi bật với kim ngạch xuất nhập khẩu vượt cả năm 2021, thặng dư thương mại đạt 10,6 tỷ USD; giải ngân vốn FDI đạt 19,68 tỷ USD cao nhất 5 năm qua; thu Ngân sách Nhà nước vượt dự toán; số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng tới 33,2%.

#### 1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

##### 1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Tốc độ tăng trưởng của sản xuất công nghiệp có xu hướng chậm lại do đơn hàng sụt giảm, chi phí đầu vào ở mức cao và thiếu hụt nguồn cung nguyên vật liệu. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 11 chỉ tăng 0,3% so với tháng 10 và tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2022.

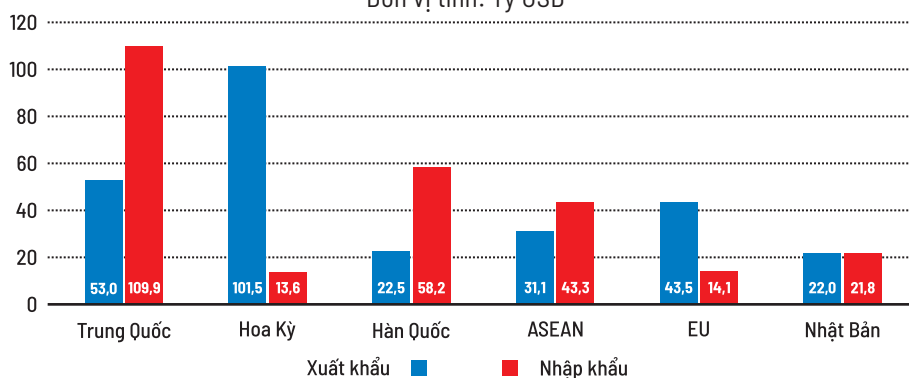
Tính chung 11 tháng của năm, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp đã tăng 8,6% so với cùng kỳ năm ngoái (có mức tăng 4,2%). Trong đó, ngành chế biến-chế tạo tăng 8,9% (cùng kỳ năm 2021 tăng 5,4%) và đóng góp 6,8% vào mức tăng chung.

##### 1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 11/2022, kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 57,58 tỷ USD, giảm 1,2% so với tháng trước và giảm 7,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 673,82 tỷ USD, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước.

#### KIM NGẠCH XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Đơn vị tính: Tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Thống kê

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 12/2022

Về xuất khẩu, trong tháng ước đạt 29,18 tỷ USD, giảm 3,9% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 7,38 tỷ USD, tăng 0,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 21,8 tỷ USD, giảm 5,4%.

Tính chung 11 tháng năm 2022, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 342,21 tỷ USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước.

Từ chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 11/2022 ước đạt 28,4 tỷ USD, tăng 1,8% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 10,16 tỷ USD, tăng 6,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 18,24 tỷ USD, giảm 0,6%.

Tính chung 11 tháng năm 2022, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 331,61 tỷ USD, tăng 10,1% so cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 115,42 tỷ USD, tăng 11,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 216,19 tỷ USD, tăng 9,6%.

### 1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

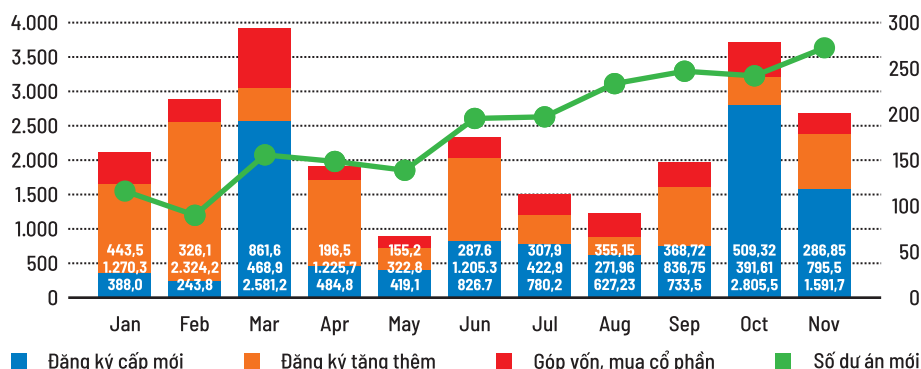
Trong tháng 11/2022, cả nước có 11.943 doanh nghiệp thành lập mới, với số vốn đăng ký là 104,5 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký là 74 nghìn lao động, giảm 8,3% về số doanh nghiệp, giảm 2,3% về vốn đăng ký và giảm 3,7% về số lao động so với tháng 10/2022. Nếu so với cùng kỳ năm trước, con số này tăng 0,3% về số doanh nghiệp, giảm 30,3% về số vốn đăng ký và giảm 3,4% về số lao động.

Tính chung 11 tháng năm 2022, cả nước có 137,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.483,7 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 909 nghìn lao động, tăng 30,4% về số doanh nghiệp, tăng 2% về vốn đăng ký và tăng 15,9% về số lao động so với cùng kỳ năm trước.

### 1.1.4. Hoạt động đầu tư

Tính đến ngày 20/11/2022, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài (ĐTNN) đạt hơn 25,1 tỷ USD, đạt 95% so với cùng kỳ năm 2021. So với 10 tháng đầu năm 2022, tổng vốn FDI tăng 0,4 điểm % và so với 9 tháng đầu năm tăng 10,3 điểm %.

CƠ CẤU VỐN FDI 11 THÁNG NĂM 2022

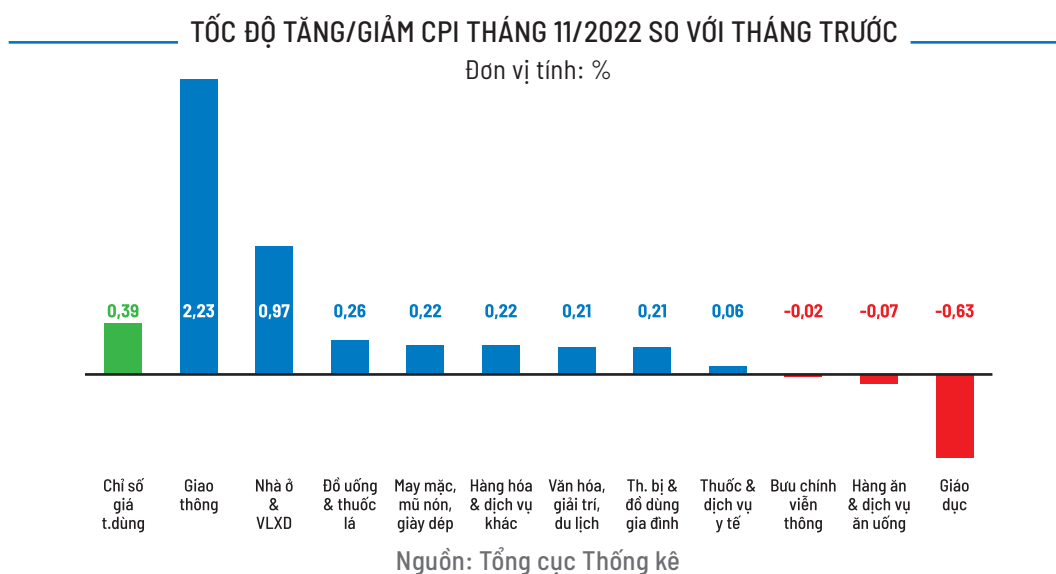
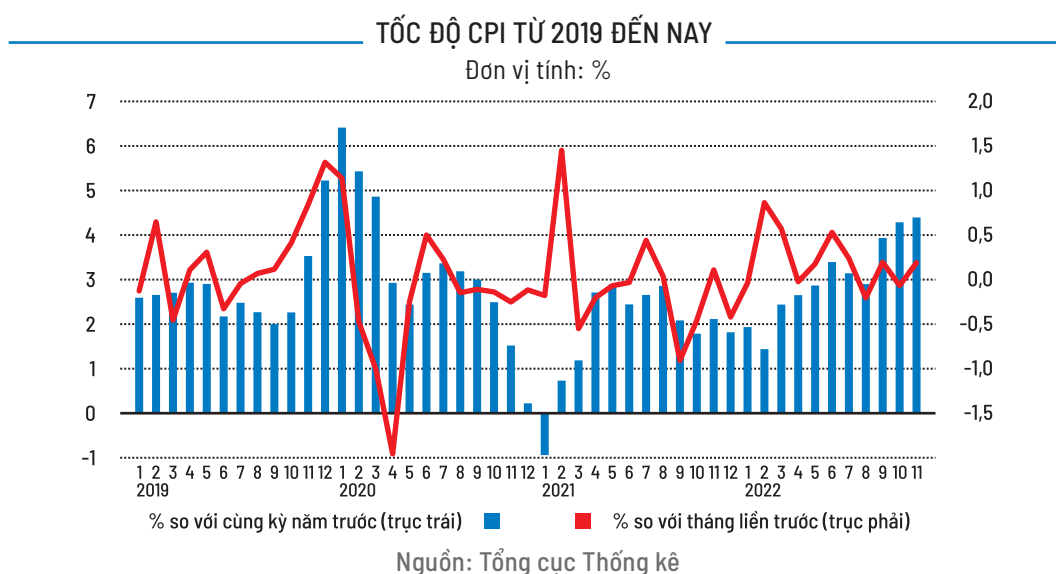


Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Giá xăng dầu trong nước điều chỉnh theo giá thế giới, giá thuê nhà tăng do nhu cầu của người dân tăng cao là những nguyên nhân chính làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2022 tăng 0,39% so với tháng trước. So với tháng 12/2021, CPI tháng 11 tăng 4,56%. So với cùng kỳ năm trước CPI tăng 4,37%, là mức cao nhất kể từ tháng 4/2019.

Bình quân 11 tháng năm 2022, CPI tăng 3,02% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,38%.

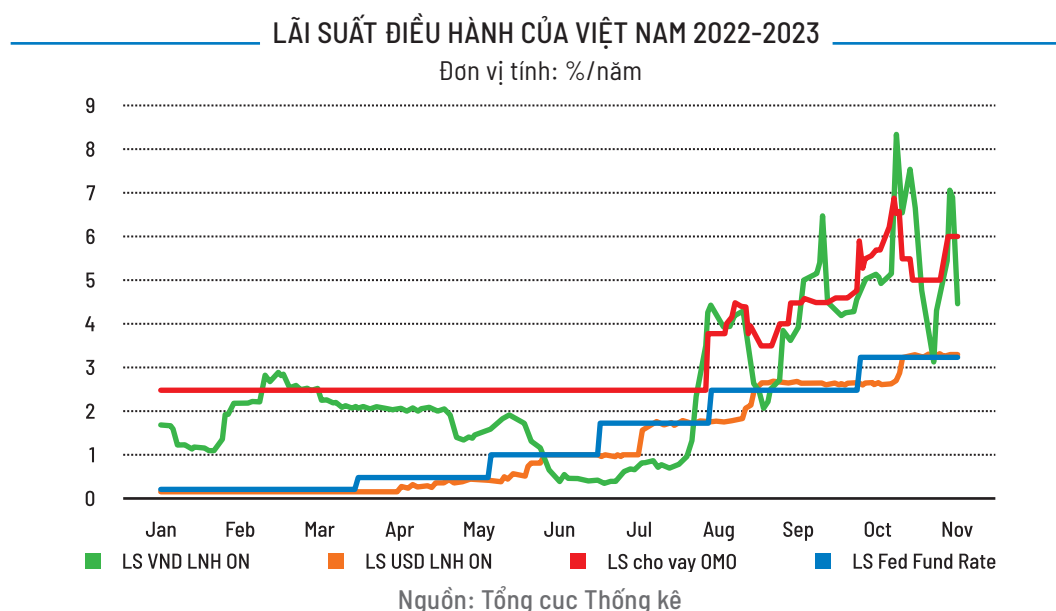


## 1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

### 1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Áp lực thanh khoản dịu bớt trong tháng 11/2022. Từ đầu tháng 11 đến 25/11, NHNN đã bơm ròng qua thị trường mở khoảng 23.288 tỷ đồng. Tuy nhiên, nhu cầu thanh khoản của hệ thống vẫn ở mức cao.

Lãi suất huy động tăng rất nhanh trong hai tháng gần đây, nhưng huy động vốn trong nền kinh tế vẫn tăng rất chậm. Tính đến cuối tháng 10/2022, huy động vốn ước tăng 4,8% so với đầu năm, cao hơn mức tăng 4,3% cuối tháng 9/2022.



Mặc dù Chính phủ mới đây đã chỉ đạo nói thêm dư địa tín dụng cho nền kinh tế, tuy nhiên, việc cho vay có thể không được như kỳ vọng vì lý do:

(i) Chủ trương hạn chế cho vay lĩnh vực rủi ro như bất động sản hay đảo hạn trái phiếu doanh nghiệp đến hạn;

(ii) Rủi ro suy thoái kinh tế toàn cầu khiến doanh nghiệp hạn chế đầu tư;

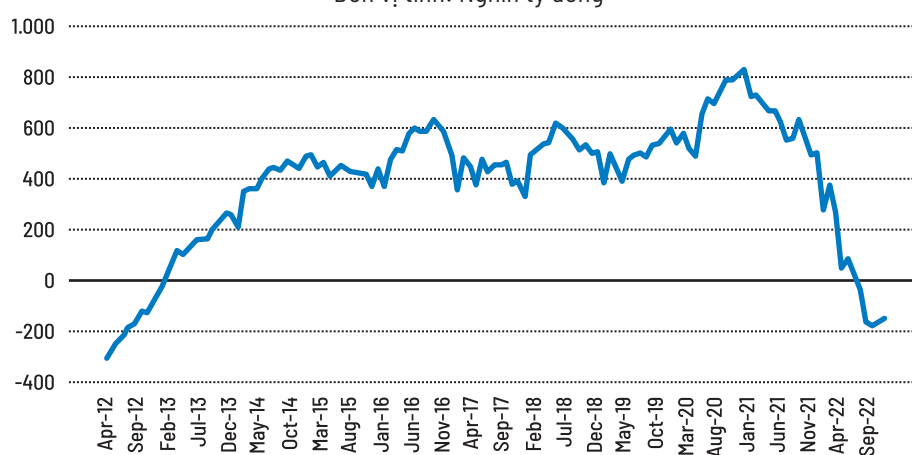
(iii) Nguồn vốn huy động đang bị xói mòn bởi tăng trưởng kinh tế giảm sút.

Trong tình hình thị trường trái phiếu doanh nghiệp đang gặp nhiều vấn đề, các đợt phát hành mới khó thu hút người mua nên các doanh nghiệp càng mong muốn được tiếp cận kênh tín dụng ngân hàng.

Số liệu mới nhất về tăng trưởng tín dụng và huy động từ Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tính đến cuối tháng 10 vẫn chưa cho thấy sự cải thiện đáng kể trong chênh lệch huy động - tín dụng của nền kinh tế.

### CHÊNH LỆCH HUY ĐỘNG VỐN - TÍN DỤNG

Đơn vị tính: Nghìn tỷ đồng



Nguồn: Bloomberg

#### 1.2.2. Tỷ giá

Tính đến ngày 25/11/2022, chỉ số đô la Mỹ bình quân tháng 11/2022 trên thị trường quốc tế đạt mức 108,16 điểm, giảm 3,4 điểm so với tháng trước. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 24.855 VND/USD.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 11/2022 tăng 2,91% so với tháng trước và tăng 8,71% so với cùng kỳ năm 2021; bình quân 11 tháng năm 2022 tăng 1,83%.

#### 1.2.3. Chứng Khoán

Trước một loạt nỗi lo về suy thoái toàn cầu, tỷ giá biến động, lãi suất gia tăng và rủi ro từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp, thị trường chứng khoán Việt Nam đã liên tục giảm sâu, về vùng đáy của 25 tháng và có lúc xuyên thủng mốc 900 điểm.

Dù sau đó đã có phiên đảo chiều ngoạn mục ngày 16/11 nhưng tính chung, VN-Index đã giảm gần 40%, còn HNX-Index giảm đến 63% so với đầu năm. Giá trị giao dịch trung bình cũng giảm mạnh, chỉ còn trên dưới 10.000 tỉ đồng/phiên.

Khủng hoảng trên thị trường chứng khoán Việt Nam không chỉ đẩy hầu hết nhà đầu tư cá nhân vào chỗ thua lỗ mà ngay các tổ chức đầu tư chuyên nghiệp cũng lao đao.

#### ▪ Trái phiếu

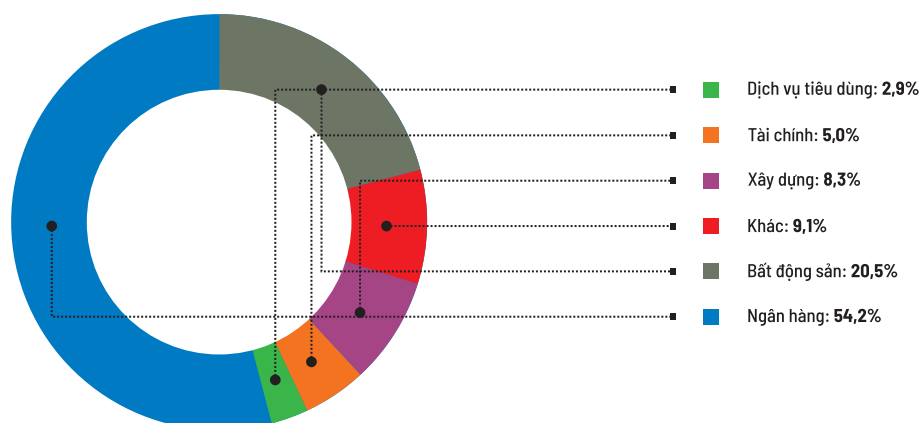
Tính đến hiện tại, Kho bạc Nhà nước phát hành thành công 176.000 tỷ đồng, hoàn thành 82% kế hoạch phát hành năm mới và 61% kế hoạch phát hành quý IV/2022.

Gặp khó khăn về tài chính là những công ty đã mở rộng quá mức năng lực của mình để phát triển hàng chục dự án cùng lúc và vượt quá khả năng tài chính của họ. Trong bối cảnh Fed đang thắt chặt giới hạn tín dụng để chống lạm phát, các công ty này đang phải đối mặt với vấn đề thanh khoản và làm tổn hại niềm tin của các nhà đầu tư.

TOP CÁC LĨNH VỰC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU NĂM 2022

(Tính tới tháng 10/2022)

Đơn vị tính: %



Nguồn: Bloomberg

Đến năm 2023, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trái phiếu doanh nghiệp lên 25% GDP từ mức 11% hiện tại. Tổng giá trị của thị trường trái phiếu hiện tại ở mức 1,200 ngàn tỷ đồng (tương đương 48.3 tỷ USD).

1.2.4. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 11/2022 tăng 0,43% so với tháng trước, tăng 4,81% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung chủ yếu do giá thực phẩm tươi sống là yếu tố kiểm chế tốc độ tăng CPI trong tháng 11 năm nay thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

Bình quân 11 tháng năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 2,38% so với cùng kỳ năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,02%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm và giá xăng, dầu.

LẠM PHÁT CƠ BẢN THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG CÁC NĂM 2018 - 2022

Đơn vị tính: %

	2018	2019	2020	2021	2022
Lạm phát cơ bản tháng 11 so với tháng trước	0,11	0,30	0,03	0,11	0,43
Lạm phát cơ bản tháng 11 so với cùng kỳ năm trước	1,72	2,18	1,61	0,58	4,81
Lạm phát cơ bản 11 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước	1,46	1,94	2,43	0,82	2,38

Nguồn: Tổng cục Thống kê

## **2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM**

### **2.1. Về chủ trương, chính sách**

Từ ngày 1/1/2023, các nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu và mỡ nhờn sẽ hết hiệu lực. Như vậy, thuế bảo vệ môi trường đối với các mặt hàng này sẽ quay lại mức kịch trần khung thuế thay cho mức sàn như hiện nay.

Cụ thể, thuế bảo vệ môi trường đối với xăng (trừ xăng sinh học) sẽ tăng từ 1.000 đồng lên 4.000 đồng/lít. Dầu diesel tăng 500 đồng/lít, lên 2.000 đồng/lít. Dầu mazut, dầu nhờn tăng 300 đồng/lít, lên 2.000 đồng/lít. Nhiên liệu bay 3.000 đồng/lít thay cho mức 1.000 đồng/lít như hiện nay... Do thuế tăng nên giá bán lẻ các mặt hàng xăng dầu và mỡ nhờn sẽ tăng tương ứng. Nếu tính cả thuế giá trị gia tăng thì giá bán lẻ xăng sẽ tăng 3.300 đồng/lít; nhiên liệu bay tăng 2.200 đồng/lít; dầu diesel tăng 1.650 đồng/lít; dầu mazut, dầu nhờn tăng 1.870 đồng/lít.

### **2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam**

Những yếu tố tích cực ảnh hưởng đến triển vọng phát triển kinh tế Việt Nam năm 2022 -2023:

- *Kinh tế thế giới phục hồi chậm lại nhưng vẫn tăng trưởng gần bằng mức trước đại dịch (2,5% – 3%).*
- *Dịch bệnh được kiểm soát tốt hơn.*
- *Các động lực tăng trưởng (Công nghiệp chế biến chế tạo, xuất khẩu, đầu tư và tiêu dùng) phục hồi mạnh.*
- *Lạm phát cơ bản được kiểm soát; tỷ giá, lãi suất tăng nhưng trong biên độ và tầm kiểm soát.*
- *Triển khai quyết liệt các giải pháp thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH 2022-2023; giải ngân đầu tư công.*
- *Chính phủ chủ trương cơ cấu lại nền kinh tế, hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.*
- *Hội nhập sâu rộng vào kinh tế quốc tế: Hiệp định đối tác toàn diện khu vực (RCEP) bắt đầu có hiệu lực.*

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 12/2022

### DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP VÀ CPI BÌNH QUÂN NĂM 2022-2023 CỦA VN

Đơn vị tính: % (yoy)

TỔ CHỨC DỰ BÁO	Tăng trưởng GDP		CPI bình quân	
	2022	2023	2022	2023
World Bank (10/2022)	7,2	6,7	3,8	4,0
IMF (10/2022)	7,0	6,7	3,8	3,9
ADB (09/2022)	6,5	6,7	3,8	4,0
Chính phủ, Quốc hội (01/2022)	6,0 - 6,5	6,5	4,0	4,5
Viện ĐTNC BIDV (11/2022)	- KB tích cực: 8,3 - 8,5 - KB cơ sở: 7,9 - 8,1 - KB tiêu cực: 7,0 - 7,5	6,0 - 6,5	3,3 - 3,5	4,0 - 4,5

Nguồn: Tổng cục Thống kê

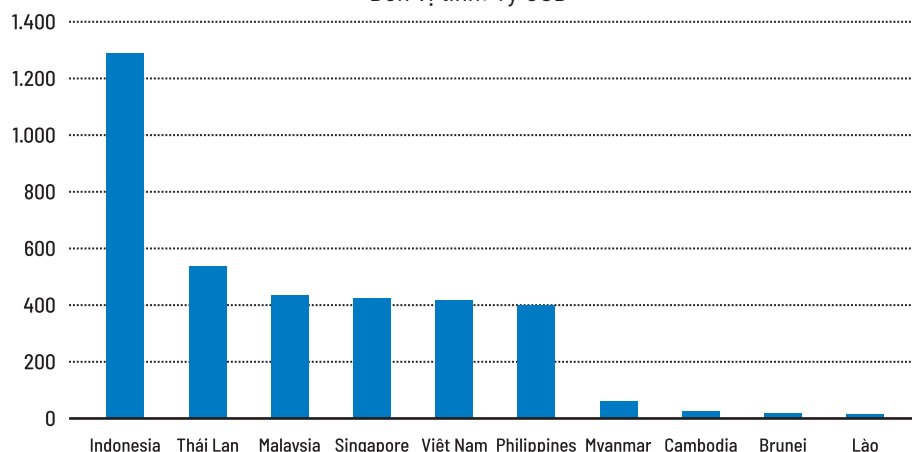
Bên cạnh đó, tăng trưởng kinh tế Việt Nam cũng phải đối mặt với không ít rủi ro thách thức:

- *Rủi ro từ các nền kinh tế bên ngoài.*
- *Thị trường xuất khẩu và đầu tư bị thu hẹp do kinh tế thế giới suy thoái cục bộ.*
- *Lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá còn tiếp tục tăng.*
- *Tốc độ giải ngân Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH 2022-2023 và đầu tư công còn chậm.*
- *Việc cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước còn nhiều khó khăn.*
- *Điều chỉnh mạnh thị trường chứng khoán và bất động sản.*

Theo dự báo mới nhất của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), năm 2022, Việt Nam được dự báo có GDP đạt khoảng 413,81 tỷ USD, xếp thứ 5/11 trong khu vực Đông Nam Á.

### GDP NĂM 2022 CÁC QUỐC GIA TRONG KHU VỰC ĐÔNG NAM Á THEO DỰ BÁO CỦA IMF

Đơn vị tính: Tỷ USD



Nguồn: IMF

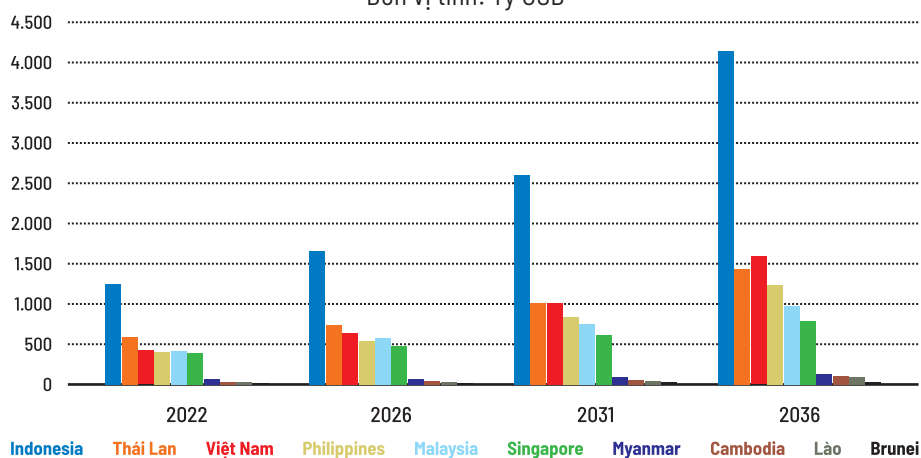


Trong báo cáo mới nhất World Economic League Table 2022 của *Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh - CEBR*, Việt Nam lọt top 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới vào năm 2036. Cụ thể, quy mô GDP Việt Nam đạt khoảng 1.579 tỷ USD, xếp thứ 20 thế giới vào năm 2036 và 1.700 tỷ USD.

Xét riêng trong khối ASEAN, nếu như năm 2022, CEBR dự báo quy mô GDP Việt Nam đứng thứ tư trong khu vực thì đến năm 2036 có sự thay đổi rõ rệt.

QUY MÔ GDP CÁC NƯỚC TRONG KHỐI ASEAN  
GIAI ĐOẠN 2022 – 2036 THEO DỰ BÁO CỦA CEBR

Đơn vị tính: Tỷ USD



Nguồn: CEBR



## THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

### 1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

#### 1.1. Thông tin trong kỳ

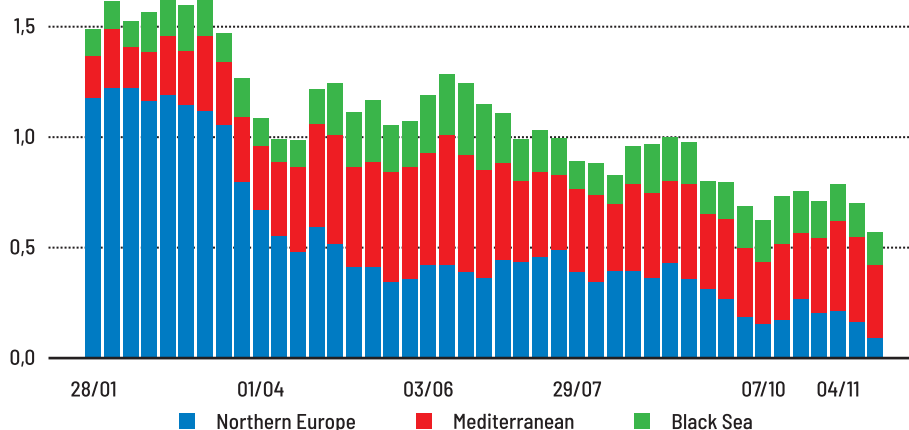
##### 1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

###### ▪ *Nguồn cung*

Lệnh cấm vận của EU đối với dầu Nga sẽ có hiệu lực vào tháng tới, trong khi lệnh cấm đối với tất cả các sản phẩm dầu mỏ sẽ có hiệu lực vào ngày 5/2/2022. Tương lai đánh mất hoàn toàn thị trường châu Âu của Nga đang ngày càng tới gần.

#### VẬN CHUYỂN DẦU NGA SANG CHÂU ÂU GIẢM MẠNH TRONG THÁNG 11

Đơn vị tính: Triệu thùng/ngày

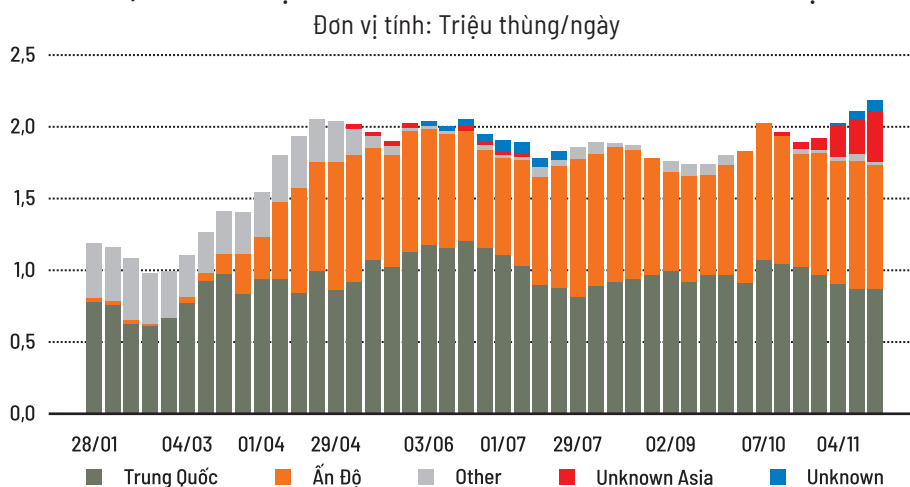


Nguồn: Bloomberg

###### ▪ *Tiêu thụ*

Việc chuyển hướng xuất khẩu dầu thô của Nga sang châu Á đang làm thay đổi dòng chảy thương mại và mang lại một luồng sinh khí mới cho các tàu chở dầu cũ kỹ mà lẽ ra có thể đang hướng đến phế liệu.

TRUNG QUỐC & ẤN ĐỘ VẪN LÀ NHỮNG NGƯỜI MUA DẦU NGA TÍCH CỰC NHẤT



Nguồn: Bloomberg

▪ **Biến động giá**

Giá dầu toàn cầu đã giảm dù rằng nhóm các nước xuất khẩu dầu mỏ lớn nhất thế giới và các nước liên minh (OPEC+) giảm sản lượng ước tính khoảng 2 triệu thùng dầu/ngày bắt đầu từ tháng này, đây là đợt cắt giảm sản lượng mạnh tay nhất tính từ đầu đại dịch COVID-19.

Giá dầu trên thị trường toàn cầu đã giảm ước tính khoảng 35% từ tháng 6/2022 bởi các biện pháp phong tỏa và hiện tại giao dịch ở gần mức 74 USD/thùng.

**1.1.2. Thị trường trong nước**

Tính từ đầu năm đến nay, giá mặt hàng xăng đã trải qua 31 lần điều chỉnh, trong đó có 17 lần tăng, 13 lần giảm và một lần giữ nguyên.

Trừ dầu mazut tăng 20 đồng lên 14.780 đồng một kg, các mặt hàng dầu khác đều giảm. Dầu diesel giảm 180 đồng, về 24.800 đồng một lít; dầu hoả giảm 100 đồng xuống mức giá mới là 24.640 đồng. Dầu hoả và diesel tiếp tục không trích vào quỹ ở kỳ điều hành này. Còn dầu mazut có mức trích quỹ là 300 đồng một kg.

**1.2. Dự báo**

**1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực**

▪ **Nguồn cung**

EIA dự kiến tồn kho dầu toàn cầu sẽ bắt đầu giảm trở lại vào đầu năm 2023, sau mức tăng trưởng 0,8 triệu thùng/ngày trong quý III/2022 và tăng trưởng 0,2 triệu thùng/ngày trong quý IV năm nay. Đối với năm 2023, EIA nhận định tồn kho dầu toàn cầu giảm 1,2 triệu thùng/ngày trong quý đầu tiên của năm, với mức lỗ trung bình 300.000 thùng/ngày trong cả năm.

### ▪ *Tiêu thụ*

Trong báo cáo Triển vọng Năng lượng ngắn hạn (STEO) được công bố ngày 8/11, EIA đã cắt giảm dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu thế giới năm 2023 thêm 320.000 thùng/ngày xuống 1,16 triệu thùng/ngày, trong khi nâng mức tăng trưởng nhu cầu dầu năm 2022 thêm 140.000 thùng/ngày lên 2,6 triệu thùng/ngày.

Ngày 14/11, OPEC đã lần thứ năm liên tiếp hạ dự báo nhu cầu dầu toàn cầu năm 2022 và 2023 kể từ tháng 4/2022, Theo đó, OPEC cho biết nhu cầu dầu trong năm 2022 sẽ tăng khoảng 2,55 triệu thùng/ngày (2,6%), giảm 100.000 thùng/ngày so với dự báo trước đó.

### ▪ *Biến động giá*

Dự đoán của *EIA* đối với Brent trong năm tới là trung bình 95,33 USD/thùng, giảm so với mức trung bình 102,13 USD/thùng trong năm 2022, do sự tăng trưởng trong khai thác dầu của OPEC và các nước ngoài OPEC - đáng chú ý nhất là sản lượng ở Mỹ.

*Goldman Sachs* đã hạ dự báo giá dầu giảm 10 USD xuống còn 100 USD/thùng trong quý 4 năm 2022, với lý do lo ngại về COVID đang gia tăng ở Trung Quốc và sự thiếu rõ ràng về kế hoạch hạn chế giá dầu của Nga trong nhóm G7.

### 1.3. Khuyến nghị

Tiếp tục quản trị rủi ro, đảm bảo duy trì hoạt động của các mô/dự án, công trình, nhà máy vận hành an toàn ổn định.

Tiếp tục tập trung các giải pháp kỹ thuật, tăng cường quản trị, duy trì sản xuất, nâng cao sản lượng.

Bên cạnh việc hoàn thành đưa vào 4 dự án/công trình trong năm 2022, cần tiếp tục đưa các công trình khác vào hoạt động theo đúng tiến độ, kế hoạch, góp phần đảm bảo duy trì sản lượng khai thác trong những năm tiếp theo.

Tiếp tục theo dõi, giám sát chặt chẽ, đánh giá và dự báo tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, đặc biệt là các thiết bị, hệ thống quan trọng; tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm các loại nguyên liệu (dầu thô, các cấu tử trung gian).

Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới và kéo dài chuỗi giá trị sản phẩm hiện hữu của Nhà máy.

## **2. THỊ TRƯỜNG KHÍ**

### **2.1. Thông tin trong kỳ**

#### **2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực**

Các quốc gia trên thế giới đang cạnh tranh để đảm bảo những lô LNG từ các nhà xuất khẩu lớn như Qatar và Mỹ, nhưng có rất ít nguồn cung mới cho thị trường trước năm 2026. Trong khi đó, Châu Âu đang chạy đua mua LNG để thay thế khí đốt Nga vận chuyển qua đường ống, làm trầm trọng thêm tình trạng thiếu nhiên liệu toàn cầu. Điều này có nghĩa là các nhà nhập khẩu sẽ buộc phải phụ thuộc nhiều hơn vào thị trường giao ngay đầy biến động và đắt đỏ.

Thị trường LNG giao ngay hiện giao dịch ở mức cao gấp gần 3 lần so với các hợp đồng dài hạn. Năm ngoái, khoảng 30% tổng số LNG được giao qua thị trường giao ngay, theo Nhóm các nhà nhập khẩu LNG quốc tế.

#### **2.1.2. Thị trường trong nước**

Tính đến hiện tại đã có hơn 10 dự án được phê duyệt đầu tư, với tổng công suất dự kiến đạt trên 20 triệu tấn/năm.

Ngoài ra, một số dự án LNG khác như LNG Cái Mép hay Nam Vân Phong cũng đang được đề xuất đưa vào quy hoạch tổng thể.

### **2.2. Dự báo**

#### **2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực**

Nhật Bản dự kiến trở thành nhà nhập khẩu LNG lớn nhất thế giới trong năm nay và nhiên liệu này là lựa chọn hàng đầu của nước này để sản xuất điện.

Việc thiếu đầu tư vào các dự án xuất khẩu LNG có nghĩa là nguồn cung sẽ rất khan hiếm trong nhiều năm.

Nếu khí đốt của Nga qua đường ống đến Châu Âu bị cắt hoàn toàn, thế giới có thể thiếu 7,6 triệu tấn LNG vào tháng 1.2025.

#### **2.2.2. Thị trường trong nước**

Việc phát triển các dự án dầu khí mới là vô cùng cần thiết, để đáp ứng nhu cầu về năng lượng trong trung và dài hạn. Bên cạnh đó, trong bối cảnh nguồn cung khí trong nước không đủ, việc nhập khẩu LNG là cần thiết để đáp ứng nhu cầu về năng lượng trong nước.

Các dự án nhà máy điện sử dụng khí LNG ở Việt Nam hầu hết vẫn đang trong giai đoạn đầu tư và sẽ chỉ bắt đầu thực sự đóng góp kể từ năm 2024 trở đi.

### **2.3. Khuyến nghị**

Tiếp tục đảm bảo hệ thống công trình khí hoạt động ổn định, an toàn; thực hiện cân đối, ấn định, điều độ linh hoạt, hiệu quả, hợp lý, sẵn sàng cấp khí ở lưu lượng cao khi được khách hàng huy động.

Chủ động phối hợp chặt chẽ với các bên từ thượng nguồn đến hạ nguồn trong vận hành, điều độ, đấu nối, bảo dưỡng sửa chữa nhằm tiêu thụ khí tối đa, rút ngắn thời gian dừng cấp - nhận khí của mỗi bên.

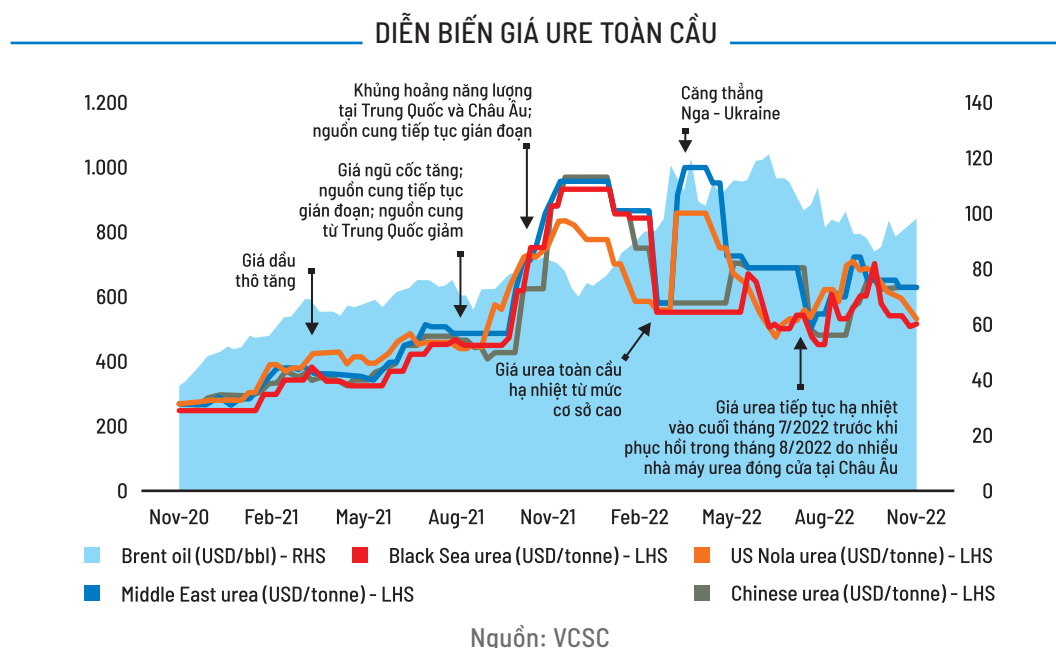
Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp lớn mạnh, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao, hoạt động hoàn chỉnh trong tất cả các khâu thu gom - vận chuyển - chế biến - xuất nhập khẩu - tồn trữ - dịch vụ - kinh doanh khí và sản phẩm khí, tham gia hoạt động đầu tư thượng nguồn.

### 3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

#### 3.1. Thông tin trong kỳ

##### 3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Giá khí và than quốc tế tăng cao làm giảm nguồn cung urê và khiến giá urê tiếp tục ở mức cao trong thời gian dài hơn.



##### 3.1.2. Thị trường trong nước

Giá ure trong nước hiện đã nhích lên 10% từ mức đáy 9 tháng đầu năm và đà phục hồi này có thể tiếp diễn trong quý IV nhờ nhu cầu nội địa cải thiện.

#### 3.2. Dự báo

##### 3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Các công ty trong ngành cho rằng sản lượng xuất khẩu urê của Trung Quốc sẽ tăng vào năm 2023 do chi phí sản xuất cạnh tranh và các nhà máy urê chạy bằng than so với chạy bằng khí đốt ở Châu Âu.

Về phía Nga, nước này tiếp tục áp dụng hạn ngạch xuất khẩu 8,3 triệu tấn đối với phân đạm (urê, amoniac và amoni nitrat) đến tháng 12/2022. Nguồn cung urê được dự báo tiếp tục giảm từ châu Âu vào năm tới, từ đó sẽ hỗ trợ giá urê.

### 3.2.2. Thị trường trong nước

Hiện chưa có động lực rõ ràng để giúp giá ure trong nước vượt qua mức đỉnh thiết lập trong nửa đầu năm 2022. Giá ure có thể điều chỉnh giảm trong năm 2023 do giá các nguyên liệu sản xuất chính hạ nhiệt; các chính sách hạn chế xuất khẩu phân bón của Nga và Trung Quốc tới hạn vào 31/12/2022.

Nguồn cung ure nhập khẩu về Việt Nam được dự báo giảm do chênh lệch giá ure nội địa/nhập khẩu được thu hẹp, đồng thời tỷ giá USD/VND tăng khiến các thương nhân giảm nhập khẩu ure.

Sản lượng tiêu thụ ure nội địa dự kiến cải thiện nhờ giá gạo đi lên, thúc đẩy nhu cầu sử dụng phân bón trong mùa cao điểm - vụ Đông Xuân.

### 3.3. Khuyến nghị

Cần Chú trọng tập trung vào tính đặc thù riêng biệt về giá trị mà hàng hóa của doanh nghiệp mang lại, hơn là cạnh tranh truyền thống về giá, thị phần. Cách làm này giúp cho doanh nghiệp có thể đáp ứng tốt nhất nhu cầu đặc thù, đa dạng của nhóm khách hàng, từ đó đưa ra mức giá tốt, tăng lợi nhuận, cạnh tranh bằng đổi mới, sáng tạo, khuyến khích phát triển cả chiều rộng và chiều sâu của thị trường.

Bám sát tình hình thị trường để có giải pháp điều hành sản xuất, kinh doanh phù hợp. Trong đó chú trọng quản trị chi phí để tiết giảm chi phí, chú trọng quản trị sản xuất để tối ưu quá trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng.

Doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước cần phát huy tối đa công suất và tìm mọi cách giảm chi phí, hạ giá thành, đặc biệt là giảm các đầu mối trung gian phân phối phân bón.



## **4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN**

### **4.1. Thông tin trong kỳ**

#### **4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực**

Khủng hoảng năng lượng từ xung đột giữa Nga - Ukraine đang làm cho giá điện tại châu Âu tiếp tục tăng thêm. Giá điện bán lẻ tới các hộ gia đình đã tăng khoảng gấp rưỡi tại hầu hết quốc gia châu Âu và dự báo sẽ còn tăng trong năm tới.

Giá điện bán buôn tại châu Âu đang tăng dần khi mùa đông tới, tuy thấp hơn nhiều so với cuối tháng Tám, nhưng so với tầm này năm ngoái thì cũng đã tăng hơn gấp đôi.

#### **4.1.2. Thị trường trong nước**

Tính chung 11 tháng năm 2022, ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,7%, đã đóng góp 0,7 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

Thực tế, giá khí hóa lỏng LNG đã tăng rất mạnh thời gian qua, giá nhập khẩu cao là trở ngại trong tương lai khi ký các hợp đồng mua bán điện. Xăng dầu, nguyên liệu đầu vào tăng giá khiến chi phí đầu vào của mỗi kWh điện tăng cao hơn 30% so với giá bán.

Việc nhập khẩu khí LNG, vấn đề kho chứa cũng là thách thức lớn.

Hiện nước ta mới chỉ có duy nhất 2 kho đang xây dựng chuẩn bị đưa vào vận hành tại Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngoài ra, còn có 10 kho chứa LNG đang trong giai đoạn lập kế hoạch trên toàn quốc.

Về khung pháp lý, cơ chế quản lý vận hành cả chuỗi Khí - điện, do nước ta đang hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế quản lý cho các dự án đầu tư điện LNG theo hình thức đầu tư thông thường nên khó thu xếp tài chính cho dự án quy mô hàng tỷ USD.

Về giá, cơ chế giá điện sử dụng nhiên liệu LNG chưa có quy định đầy đủ.

### **4.2. Dự báo**

#### **4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực**

Do khủng hoảng năng lượng, lạm phát kéo dài và chiến sự diễn ra tại Ukraine chưa có dấu hiệu dừng lại khiến giá điện ở nhiều nơi trên thế giới vẫn tăng cao.

#### **4.2.2. Thị trường trong nước**

Điện khí LNG được kỳ vọng là loại năng lượng giúp Việt Nam giảm phát thải carbon nhanh hơn. Hiện dự thảo Quy hoạch điện VIII đưa ra mục tiêu chuyển đổi 18 GW điện than vào năm 2030 được thay thế bằng 14 GW điện khí LNG và 12-15 GW nguồn năng lượng tái tạo. Nghĩa là, đến năm 2030 sẽ phát triển 23.900 MW điện khí, tương đương tỷ trọng hơn 16% cơ cấu nguồn điện, tập trung chủ yếu ở miền Bắc để đảm bảo nguồn điện chạy nền cho khu vực này.

Theo phân tích của các chuyên gia, điện khí LNG tuy sạch hơn than nhưng phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Vì vậy, giá thành sẽ không ổn định. Theo tính toán, nhu cầu nhập khẩu LNG sẽ tăng lên, đạt khoảng 14 -18 tỷ m<sup>3</sup> vào năm 2030 và khoảng 13 - 16 tỷ m<sup>3</sup> vào năm 2045.

#### **4.3. Khuyến nghị**

Nghiên cứu cơ hội đầu tư, chuyển hướng sang đầu tư các nhà máy điện sử dụng nguồn khí LNG, hệ thống kho cảng LNG - xu hướng tất yếu trong phát triển ngành năng lượng nói chung và ngành điện nói riêng hiện nay.

Tập trung cân đối nguồn vốn, bám sát để thu hồi các khoản nợ đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.

# BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 12/2022

## PHỤ LỤC I

### KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 11 NĂM 2022

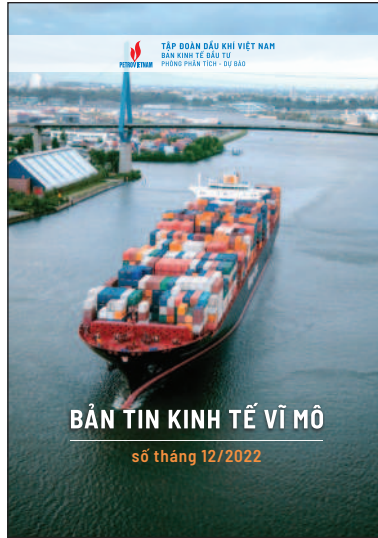
TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 11 2022	11 tháng 2022	Tỷ lệ so sánh (%)		
					A	B	C
1	Tăng trưởng GDP		n/a		-	-	-
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	n/a	103	105,3	108,6
3	<b>Hoạt động của doanh nghiệp</b>						
3.1	Thành lập mới	DN	11.943	n/a	91,7	103	n/a
3.2	Quay lại hoạt động	DN	6.267	n/a	160,6	126,4	n/a
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN	1.422	132.300	88,8	113,2	124,3
4	<b>Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội</b>						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	58,5	445,9	-	119,7	119,9
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	22,14	-	-	95
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	19,68	-	-	115,1
4.4	Đầu tư ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm)	Triệu USD	-	395,8	-	-	161,9
5	<b>Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa</b>						
5.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	29,18	342,21	96,1	91,6	113,4
5.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	28,4	331,61	101,8	92,7	110,1
5.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 0,78	Xuất siêu 10,6			
6	<b>Chỉ số giá</b>				<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>
6.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,39	104,37	103,02
6.2	Chỉ số giá vàng				101,82	103,95	105,88
6.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				102,91	-	101,83
6.4	Lạm phát cơ bản				100,43	104,81	102,38

A: Tháng 11/2022 so với tháng trước


B: Tháng 11/2022 so với tháng 11/2021

C: 11 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021

D: Tháng 11/2022 so với tháng 12/2021



Ảnh bìa: Bloomberg Economics dự báo Mỹ suy thoái vào nửa cuối năm 2023.

 Chicago Express



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ**  
**PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO**

**VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH**  
*phối hợp thực hiện*